

Bản án số: 296/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 12 - 2017
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thắng;

Ông Nguyễn Công Mạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thuý Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại Thôn LS, xã TS, huyện Yên Sơn, Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08/11/2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quang P**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn LS, xã TS, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. – **Bị đơn:** Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn LS, xã TS, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh P, chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong phiên hoà giải anh Nguyễn Quang P trình bày: Vợ chồng anh quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được cưới hỏi theo P tục, ngày 10/02/2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã TS, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống cùng gia đình chồng tại Thôn LS, xã TS. Cuộc sống của anh chị hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân được 02 năm, không ai còn quan tâm đến ai. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành.

Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H, anh xin ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí H, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Nguyễn Lê Bảo C, sinh ngày 24/6/2012. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Huy, để chị H nuôi cháu C. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh và chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung; Anh chị không vay nợ chung của ai.

Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, lời trình bày trong phiên hoà giải chị Lê Thị H trình bày về quen biết, kết hôn đúng như anh P trình bày. Quá trình chung sống anh, chị hoà thuận, hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có hướng phấn đấu chung. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2015. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa. Tuy nhiên do chị theo đạo Công giáo, theo quy định của Đạo thì vợ chồng không được lìa bỏ nhau.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí H, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Nguyễn Lê Bảo C, sinh ngày 24/6/2012. Khi ly hôn, chị nhận nuôi cả 02 cháu, Đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 750.000đ/ tháng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh P không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung; Anh chị không vay nợ chung của ai.

Tại phiên toà: Anh Nguyễn Quang P đề nghị xử cho anh ly hôn chị Lê Thị H. Về nuôi con anh nhất trí để chị H nuôi cả 02 con, anh sẽ cấp dưỡng cho mỗi cháu là 750.000đ/ 1 tháng, cấp dưỡng hàng tháng; Chị H đề nghị Toà xử theo quy định về ly hôn. Về nuôi con chị nhất trí ý kiến anh P.

Kết quả xác minh:

Trưởng Thôn LS, xã TS cho biết: Mâu thuẫn của chị H, anh P nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế. Khoảng 02 năm gần đây anh P đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Cách đây khoảng 3, 4 tháng chị H chuyển công tác, không còn cư trú ở thôn Lâm Sơn. Anh P, chị H có tài sản gì chung, có vay nợ gì chung thì thôn không rõ.

Cháu Nguyễn Trí H trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại cH XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho anh Nguyễn Quang P ly hôn chị Lê Thị H. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Trí H, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Nguyễn Lê Bảo C, sinh ngày 24/6/2012. Anh P phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H cho mỗi cháu là 750.000đ/ tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Nguyễn Quang P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Tòa án nhận định:

(1) Anh Nguyễn Quang P và chị Lê Thị H cùng đăng ký nhân khẩu thường trú tại Thôn LS, xã TS, huyện Yên Sơn. Anh P có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

(2) Vụ án được Tòa án hoà giải nhưng không thành. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

(3) Hôn nhân của chị Lê Thị H và anh Nguyễn Quang P trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị H, anh P phát sinh về kinh tế. Chị H, anh P đã sống ly thân từ tháng 01/2015, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh P ly hôn chị H.

(4) Con chung: Anh Nguyễn Quang P và chị Lê Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí H, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Nguyễn Lê Bảo C, sinh ngày 24/6/2012. Khi ly hôn, chị H, anh P thoả thuận chị H nhận nuôi cả 02 cháu, anh P cấp dưỡng cho mỗi cháu là 750.000đ/1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Do đó ghi nhận sự thoả thuận của chị H và anh P. Anh P được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

(5) Về án phí: Anh Nguyễn Quang P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình không có giá ngạch và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp, anh P còn phải nộp 300.000đ.

(6) Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang P xin ly hôn chị Lê Thị H.

1. Tuyên xử: Cho anh Nguyễn Quang P ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Trí H, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Nguyễn Lê Bảo C, sinh ngày 24/6/2012. Anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị H cho mỗi cháu là 750.000đ/tháng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) kể từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi cháu Huy, cháu C đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004431 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh P còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng.)

Khoản tiền cấp dưỡng, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

4. Anh Nguyễn Quang P, chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

